TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN LỨC** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2023/DS-ST
Ngày: 21-6-2023
"V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Ẩn

2. Ông Nguyễn Văn Cao

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lan Chi– Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 236/2022/TLST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2023/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1967. Địa chỉ: Ấp 8, xã L, huyện B, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1985. Địa chỉ: 45 Nguyễn Hữu Thọ, Khu phố 3, thị trấn B, huyện B, Long An. (Theo văn bản ủy quyền ngày 05/7/2022)

Bị đơn: Ông Võ Văn G, sinh năm 1964, bà Võ Thị Phương T, sinh năm 1970. Cùng địa chỉ: 224, Võ Công Tồn, Khu phố 1, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

(Ông Hùng có mặt, ông G, bà T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Do quen biết nên ngày 25/12/2021 ông Võ Văn G và Võ Thị Phương T có vay của ông Th số tiền 130.000.000đ, thời hạn vay là 01 tháng, hạn trả là ngày 25/01/2022. Tuy

hợp đồng không nêu lãi suất nhưng các bên có thỏa thuận lãi suất theo quy định của pháp luật là 0.83%/tháng. Ông Võ Văn G và bà Võ Thị Phương T thỏa thuận thế chấp và giao cho ông Th quản lý tài sản là xe ôtô tải biển số 62L-9803, bản chính giấy tờ xe gồm giấy đăng ký xe, giấy chứng nhận kiểm định, bảo hiểm dân sự đứng tên ông Võ Văn G. Đến hạn trả nợ gốc vì không có tiền nên ông G, bà T có xin cho gia hạn thêm và có đóng lãi được 03 tháng đến 25/3/2022 thì ông G không đóng lãi nữa. Ông Thủy đã liên hệ nhiều lần để yêu cầu ông G, bà T trả nợ nhưng ông G, bà T không trả.

Nay ông Th khởi kiện yêu cầu buộc ông Võ Văn G và bà Võ Thị Phương T có trách nhiệm liên đới trả cho ông Th số tiền gốc đã vay là 130.000.000đ và số tiền lãi tính đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổ chức hòa giải, để các bên đương sự thỏa thuận giải quyết các tranh chấp trong vụ án, nhưng ông G và bà T không đến mặc dù được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Do đó, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách các đương sự, quan hệ pháp luật việc giải quyết vụ án đúng thời hạn quy định. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về ý kiến giải quyết vụ án: Ông Th yêu cầu ông G, bà T trả số tiền 130.000.000đồng và lãi suất 0.83%/tháng. Ông Th cung cấp chứng cứ là 01 giấy mượn tiền. Quá trình giải quyết ông G, bà T đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có mặt. Lời trình bày của nguyên đơn phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là giấy mượn tiền và thực tế quản lý xe do ông G thế chấp và giao cho ông T. Xe ô tô là tài sản lớn, hình thành trong thời kì hôn nhân, do đó có căn cứ cho thấy bà T biết việc vay và thế chấp xe giữa ông Thvà ông G. Ông Th yêu cầu ông G, bà T liên đới trả số tiền 130.000.000đ là có căn cứ. Về lãi suất, ông Th yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật. Tại giấy thỏa Tận và trong quá trình giao dịch các bên không thể hiện các bên có thỏa Tận lãi suất. Ông G, bà T đã vi phạm thời hạn trả tiền kể từ ngày 25/3/2022. Đề nghị HĐXX xem xét lãi suất tính từ thời điểm chậm trả là 10%/năm, tương đương 0.83%/tháng theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Đối với tài sản là 01 xe ô tô biển số 62L- 9803, bản chính Giấy chứng nhận bảo hiểm, giấy đăng ký xe ô tô, ông G đã giao cho ông Th quản lý. Trong vụ án, các đương sự không ai có yêu cầu gì liên quan đến hợp đồng thế chấp và tài sản nói trên nên không giải quyết, trường hợp có tranh chấp, đương sự có thể khởi kiện bằng vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền nợ vay, đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Bến Lức.

[2] Về việc vắng mặt người tham gia tố tụng: Bị đơn ông Võ Văn G và bà Võ Thị Phương T đã được Tòa án nhiều lần triệu tập tham gia tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử.

[3] Về nội dung: Ông Th khởi kiện yêu cầu ông G và bà T trả số tiền 130.000.000đ có cung cấp giấy mượn tiền đề ngày 25/12/2021 với nội dung ông Th cho ông G vay số tiền 130.000.000đ, thời hạn vay là 01 tháng, không đề cập lãi suất. Để bảo đảm cho khoản vay, ông G thế chấp và giao cho ông T quản lý 01 xe ô tô biển số 62L- 9803, bản chính Giấy chứng nhận bảo hiểm, giấy đăng ký xe ô tô. Lời trình bày của ông Th phù hợp với chứng cứ là giấy mượn tiền ngày 25/12/2021, các bản chính giấy tờ xe do ông Th cung cấp. Quá trình giải quyết vụ án, ông G, bà T không có mặt mặc dù đã được tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. HĐXX có cơ sở xác định giữa các đương sự có xác lập hợp đồng vay tài sản, số tiền bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn là 130.000.000đ.

[4] Về lãi suất, ông Th yêu cầu tính lãi 0.83%/tháng, tính từ ngày 25/3/2022 (ngày chậm thực hiện nghĩa vụ) là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. HĐXX xem xét lãi suất là 10%/năm, tương đương 0.83%/tháng tính từ thời điểm bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ. Lãi suất được tính: 130.000.000đ x 0.83% x 01 năm 02 tháng 26 ngày = 16.041.000đ

[5] Về trách nhiệm liên đới trả nợ: Tuy chỉ có ông G ký tên vào Giấy mượn tiền nhưng ông G và bà T là vợ chồng hợp pháp, đăng ký kết hôn vào ngày 29/9/2004. Khoản vay phát sinh vào năm 2021. Khi vay ông G đã giao tài sản là xe ô tô cho ông Th quản lý. Xét thấy đây là tài sản lớn và hình thành trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng (năm 2010) nên có căn cứ xác định bà T biết việc vay tiền có thế chấp và tiền vay sử dụng vào mục đích chung trong gia đình. Căn cứ Điều 27, 37 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, bà T có nghĩa vụ liên đới cùng ông G trả nợ cho ông Th.

[6] Đối với tài sản là 01 xe ô tô biển số 62L- 9803, bản chính Giấy chứng nhận bảo hiểm, giấy đăng ký xe ô tô, ông G đã giao cho ông Thủy quản lý. Trong vụ án, các đương sự không ai có yêu cầu gì liên quan đến hợp đồng thế chấp và tài sản nói trên nên không giải quyết, trường hợp có tranh chấp, đương sự có thể khởi kiện bằng vụ án khác.

[7] Từ những nhận định trên, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn cũng như ý kiến về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; buộc ông G và bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của ông T được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 465, 466, 468 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Th về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với bị đơn ông Võ Văn G, bà Võ Thị Phương T.

Buộc ông Võ Văn G và bà Võ Thị Phương T có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Văn Th số tiền gốc là 130.000.000đ (một trăm ba mươi triệu đồng), lãi là 16.041.000đ (mười sáu triệu không trăm bốn mươi mốt nghìn đồng), tổng cộng là 146.041.000đ (một trăm bốn mươi sáu triệu không trăm bốn mươi mốt nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông G, bà T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.302.050đ (Bảy triệu ba trăm linh hai nghìn không trăm năm mươi đồng). Ông Th không phải chịu án phí, hoàn trả cho ông Thủy tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.406.000đ (ba triệu bốn trăm linh sáu nghìn đồng) theo biên lai T số 0012289 ngày 01/1/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

4. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự.

Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- Chi cục THA-DS huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lệ T